

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Các Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục là 25,74% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2010: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189

Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;

Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;

Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Nhật Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Bà Ngô Thị Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Ông Nguyễn Văn Thuận	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 Miễn nhiệm ngày 04/05/2010
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Ông Nguyễn Hải Châu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Ông Nguyễn Hồng Ánh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Nhật Tân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 Miễn nhiệm ngày 04/05/2010
Bà Ngô Thị Thanh Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/07/2004 Miễn nhiệm ngày 04/05/2010
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2010
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa nhà Hoàng Đan, 47-49 Hoàng Sa,

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1251/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 05/8/2010 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 20. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

KT. Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Phương Lan

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0396/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.121.731.750	21.902.027.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.344.880.040	6.398.442.499
1. Tiền	111	5	1.344.880.040	4.398.442.499
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.564.889.831	6.232.895.584
1. Phải thu khách hàng	131		12.171.838.452	9.468.059.486
2. Trả trước cho người bán	132		41.320.500	1.320.500
3. Các khoản phải thu khác	135	8	-	10.388.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(2.648.269.121)	(3.246.873.291)
IV. Hàng tồn kho	140		4.211.961.879	3.267.874.375
1. Hàng tồn kho	141	10	6.669.845.076	6.492.433.293
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.457.883.197)	(3.224.558.918)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	2.815.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.815.452
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		900.763.066	1.016.442.310
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		366.763.066	537.642.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	366.763.066	537.642.310
- Nguyên giá	222		1.215.217.673	1.215.217.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(848.454.607)	(677.575.363)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	534.000.000	478.800.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(100.000.000)	(155.200.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.022.494.816	22.918.470.220

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.938.968.555	7.582.853.752
I. Nợ ngắn hạn	310		8.853.968.555	7.497.853.752
1. Phải trả người bán	312		4.062.179.209	1.652.125.405
2. Người mua trả tiền trước	313		53.131.386	18.942.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.223.217.900	1.007.495.019
4. Phải trả người lao động	315		3.217.415.930	3.867.154.438
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	41.237.603	104.699.603
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		256.786.527	847.436.527
II. Nợ dài hạn	330		85.000.000	85.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		85.000.000	85.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.083.526.261	15.335.616.468
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.083.526.261	15.335.616.468
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	435.064.254	435.064.254
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	2.158.047.633	2.410.137.840
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.022.494.816	22.918.470.220

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 5

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	11.632.250.858	12.107.038.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	15.869.700	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	11.616.381.158	12.107.038.428
4. Giá vốn hàng bán	11	17	7.357.992.440	8.795.423.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.258.388.718	3.311.614.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	447.848.044	222.966.097
7. Chi phí tài chính	22	19	(55.200.000)	(114.000.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24		583.600.936	290.733.421
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.234.814.847	1.915.246.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.943.020.979	1.442.601.167
11. Thu nhập khác	31		454.545	-
12. Chi phí khác	32		-	9.821.500
13. Lợi nhuận khác	40		454.545	(9.821.500)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20	1.943.475.524	1.432.779.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	495.565.731	250.736.442
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21	1.447.909.793	1.182.043.225
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.448	1.182

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	8.972.012.011	9.850.317.279
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(6.770.631.913)	(8.796.014.556)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.391.007.700)	(1.907.491.752)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(175.000.000)	(641.475.795)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	492.333.662	214.322.907
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(759.234.560)	(560.221.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.631.528.500)	(1.840.563.290)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	277.966.041	165.242.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	277.966.041	(2.834.757.829)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.700.000.000)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.700.000.000)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.053.562.459)	(5.575.321.119)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.398.442.499	7.855.961.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.344.880.040	2.280.639.994

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

Trang 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;

Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;

Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi,

tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

Trang 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định.

Trang 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9. Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Trang 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang áp dụng

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế suất thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	192.489.132	15.523.520
Tiền gửi ngân hàng	1.152.390.908	4.382.918.979
Cộng	1.344.880.040	4.398.442.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng tại NH Công thương Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000

Cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 922/HĐVV ký ngày 23/07/2007. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký và việc gia hạn thêm (nếu có) sẽ được thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng. Lãi suất 10,5%/năm tại thời điểm ký HĐ vay vốn, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận bằng văn bản của 2 bên.

8. Các khoản phải thu khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	-	10.388.889
Cộng	-	10.388.889

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	855.977.827	2.014.257.899
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 1 năm dưới 2 năm	1.792.291.294	1.232.615.392
Cộng	<u>2.648.269.121</u>	<u>3.246.873.291</u>

Trang 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thành phẩm	6.196.310.134	6.335.978.585
Hàng hóa	473.534.942	156.454.708
Cộng	<u>6.669.845.076</u>	<u>6.492.433.293</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.009.219.000	205.998.673	1.215.217.673
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.009.219.000</u>	<u>205.998.673</u>	<u>1.215.217.673</u>
Khấu hao			
Số đầu năm	532.738.914	144.836.449	677.575.363
Khấu hao trong kỳ	150.490.205	20.389.039	170.879.244
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối năm	<u>683.229.119</u>	<u>165.225.488</u>	<u>848.454.607</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	476.480.086	61.162.224	537.642.310
Số cuối kỳ	<u>325.989.881</u>	<u>40.773.185</u>	<u>366.763.066</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2010 là 251.186.449 đồng.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (38.000 cổ phiếu STC)	634.000.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu cổ phiếu STC	(100.000.000)	(155.200.000)
Cộng	534.000.000	478.800.000

Tại ngày 30/06/2010 Công ty đang đầu tư 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC. Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 30/06/2010 là 14.100 đồng/cổ phiếu.

Trang 13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.371.541	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.059.327.489	738.761.758
Thuế thu nhập cá nhân	161.518.870	268.733.261
Cộng	1.223.217.900	1.007.495.019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	41.237.603	104.699.603
Cộng	41.237.603	104.699.603

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	266.107.925	944.749.232
Tăng trong năm	-	-	-	168.956.329	3.379.126.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.913.737.974
Số dư tại 31/12/2009	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	435.064.254	2.410.137.840
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	435.064.254	2.410.137.840
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.447.909.793
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.700.000.000
Số dư tại 30/06/2010	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	435.064.254	2.158.047.633

Trang 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục	2.544.000.000	3.536.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	7.456.000.000	6.464.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.410.137.840	944.749.232
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.447.909.793	3.379.126.582
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	1.700.000.000	1.913.737.974
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	168.956.329
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	844.781.645
- Trả cổ tức	1.700.000.000	900.000.000
+ Cổ tức đã trả	1.700.000.000	900.000.000
+ Cổ tức chưa trả	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.158.047.633	2.410.137.840

Trang 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2010	năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu	11.632.250.858	12.107.038.428
+ Sách Đại học - Dạy nghề	9.168.306.912	9.578.396.732
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	684.930.292	2.306.540.517
+ Sách tham khảo mua ngoài	1.742.206.008	183.037.858
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	36.807.646	39.063.321
Các khoản giảm trừ doanh thu	15.869.700	-
+ Giảm giá hàng bán (Sách Đại học - Dạy nghề)	15.869.700	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.616.381.158	12.107.038.428

17. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	6.102.107.816	7.274.814.316
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	324.737.867	1.435.988.766
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	1.676.104.782	167.739.415
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	21.717.696	29.159.750
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(766.675.721)	(112.278.451)
Cộng	7.357.992.440	8.795.423.796

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	401.852.444	222.966.097
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.995.600	-
Cộng	447.848.044	222.966.097

Trang 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(55.200.000)	(114.000.000)
Cộng	(55.200.000)	(114.000.000)

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.943.475.524	1.432.779.667
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	38.787.400	-
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>84.783.000</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>45.995.600</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	1.982.262.924	1.432.779.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.565.731	358.194.917
Thuế TNDN được giảm theo TT số 03/2009/TT-BTC	-	107.458.475
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	495.565.731	250.736.442
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.447.909.793	1.182.043.225

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.447.909.793	1.182.043.225
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.447.909.793	1.182.043.225
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.448	1.182

Trang 17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Cổ tức

Trong năm, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ là 17%/Vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 04/04/2010. Theo đó số cổ tức đã chi trả trong kỳ là 1.700.000.000 đồng.

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan

Mối quan hệ

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam

Công ty đầu tư

Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hà nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBDG miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBDG miền Trung	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách giáo khoa	1.031.126.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH – DN	37.599.835
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách ĐH – DN	19.527.440
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Cung ứng sách ĐH – DN	416.718.475
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục	Cung ứng sách ĐH – DN	128.634.750
Công ty CP Sách TB TH TP HCM	Cung ứng sách ĐH – DN	16.518.362
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Cung ứng sách ĐH – DN	2.258.500
Công ty CP Sách và TBDG miền Bắc	Cung ứng sách giáo khoa	507.827.580
Công ty CP Sách và TBDG miền Trung	Cung ứng sách giáo khoa	317.353.280
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua tem chống giả, tiền điện	34.096.504

Trang 18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Giảm giá hàng bán	15.869.700
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	94.641.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	8.021.825
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Mua sách tham khảo	19.890.060
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục	Tiền sách GK, tiền điện, thuê nhà	309.754.437
Công ty CP Sách TB TH TP HCM	Tiền mua sách GK	944.367.377
Công ty CP In Diên Hồng	Tiền in sách ĐH- DN	428.056.585
Công ty CP In SGK tại TP Hà Nội	Tiền in sách ĐH- DN	884.363.464

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam Thu nhập từ lãi cho vay 106.750.000

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Cho vay	6.000.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Lãi cho vay	349.197.992	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	459.889.600	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Phải thu khách hàng	1.495.811.300	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	34.999.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	138.208.615	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	173.405.325	-
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải thu khách hàng	1.870.249.647	-
Công ty Cổ ph ần Học liệu Giáo dục	Phải thu khách hàng	488.999.816	-
Công ty CP Sách TB TH TP HCM	Phải trả người bán	-	710.119.118
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Phải thu khách hàng	291.556	-
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	400.000.000
Công ty CP In Diên Hồng	Phải trả người bán	-	378.715.758
Công ty CP In SGK tại TP Hà Nội	Phải trả người bán	-	352.559.176
Công ty CP Sách và TBDG miền Bắc	Phải thu khách hàng	507.827.580	-
Công ty CP Sách và TBDG miền Trung	Phải thu khách hàng	303.731.430	-
Cộng		11.787.612.861	1.876.393.852

24. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

Trang 19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Lê Quang Dũng